TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 26-01-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, hợp đồng hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thụy;

2. Bà Đặng Thị Kim Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay, hợp đồng hụi, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B là ông Trần Công L, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 31/12/2020); có mặt.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

- Bà Liêu Thị Mỹ T, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Ngô Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt;

3.2 Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Vào ngày 24/6âl/2018, vợ chồng ông Nguyễn Thanh V và bà Liêu Thị Mỹ T có đến nhà vay số tiền 50.000.000đồng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, khi vay có hẹn 08 tháng trả lại vốn và lãi nhưng đến nay chỉ đóng lãi được 2.500.000đồng, còn vốn chưa trả. Về hụi: Ngày 16 tháng giêng năm 2017 có tham gia dây hụi 2.000.000đồng, có 26 hụi viên tham gia, ông V, bà T tham gia 02 phần đã hốt, có chầu lại hụi chết, nhưng dây hụi đã mãn vào tháng giêng năm 2019 nhưng bà T, ông V vẫn còn nợ 05 tháng là 20.000.000đồng; dây hụi 1.000.000đồng, khui ngày 08/7(Âl)/2017, gồm 22 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T hốt và có chầu lại đến tháng 8(Âl)/2018, dây hụi này mãn vào tháng 4(Âl)/2019 còn nợ là 8.000.000đồng. Tổng cộng hai dây hụi bà T, ông V còn nợ lại 28.000.000đồng.

Tại phiên tòa, ông Trần Công L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn cho vay với mức lãi suất là 4%/tháng, nguyên đơn đã nhận tiền lãi là 2.500.000đồng, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo văn bản hợp đồng nhằm ngày 05/4/2019.

Ông Nguyễn Thanh V và bà Liêu Thị Mỹ T đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Ngô Văn T trình bày: ông và bà T chỉ là người chơi hụi do bà B làm chủ hụi. Dây hụi 1.000.000đồng hụi mở ngày 08/7(Âl)/2017, gồm 22 phần, ông vô 02 phần mang tên 5 A, bà T vô 01 phần, ông hốt 02 phần vào tháng 08, 10(Âl)/2018, ông đã chầu và đã mãn hụi, việc tham gia chơi hụi bà B có đưa giấy tờ đầy đủ cho hụi viên nhưng do đã mãn hụi nên ông đã bỏ hết các giấy tờ. Còn việc bà T, ông V còn thiếu tiền hụi chết của bà B, ông không biết chỉ nghe bà B nói là bà T hốt hụi bỏ đi nên còn thiếu tiền hụi chết.

Bà Huỳnh Thị C trình bày: bà và bà T chỉ là người chơi hụi do bà B làm chủ hụi. Dây hụi 2.000.000đồng hụi mở ngày 16 tháng giêng năm 2017, gồm 26 phần, bà vô 01 phần, bà T vô 02 phần, bà vào tháng 9 âm lịch năm nào không nhớ, bà đã chầu và đã mãn hụi, việc tham gia chơi hụi bà B có đưa giấy tờ đầy đủ cho hụi viên nhưng do đã mãn hụi nên bà đã bỏ hết các giấy tờ. Còn việc bà T, ông V còn thiếu tiền hụi chết của bà B, bà không biết chỉ nghe bà B nói là bà T hốt hụi bỏ đi nên còn thiếu tiền hụi chết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các các Điều 298, 471, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B; buộc ông Nguyễn Thanh V, bà Liêu Thị Mỹ T trả bà Trần Thị B 78.000.000đồng; tính lãi suất theo quy định đối với số tiền 50.000.000đồng từ ngày 05/4/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm và khấu trừ 2.500.000đông đã nhận vào số tiền lãi; tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 24/6al/2018 giữa bà Trần Thị B với ông Nguyễn Thanh V, bà Liêu Thị Mỹ T vô hiệu; buộc bà Trần Thị B giao trả ông Nguyễn Thanh V, bà Liêu Thị Mỹ T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01617 ngày 17/10/2011 do UBND huyện Chợ Mới cấp cho ông V, bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị B khởi kiện ông Nguyễn Thanh V, bà Liêu Thị Mỹ T tranh chấp về hợp đồng dân sự. Ông V, bà T có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Ông Nguyễn Thanh V và bà Liêu Thị Mỹ T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Trần Thị B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh V và bà Liêu Thị Mỹ T trả số tiền vay còn thiếu là 50.000.000đồng, căn cứ khởi kiện là tờ thế chấp nhà và đất ở ghi ngày 24/6(Âl)/2018. Quá trình giải quyết ông V, bà T không gửi ý kiến cho Tòa án về việc thụ lý vụ án. Xét thấy hợp đồng vay tiền được giao kết giữa bà B và ông V, bà T là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Do ông V, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho bà B là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Ngoài việc yêu cầu trả vốn nguyên đơn còn yêu cầu trả lãi, Nguyên đơn xác định cho hỏi tiền với mức lãi suất là 4%/tháng; tại phiên tòa người đại diện xác định yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 05/4/2019.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua đối chiếu với chứng cứ là tờ thế chấp nhà và đất ở thì phần lãi thỏa thuận không ghi; hạn trả nợ của biên nhận ngày 8 tháng, ông V, bà T không có ý kiến về lãi, nguyên đơn xác định cho vay có lãi nhưng theo văn bản là tờ thế chấp nhà và đất ở thì không ghi mức lãi, đã có cơ sở xác định giao dịch giữa các đương sự là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và được hướng dẫn tại khoản 1, Điều 5; điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo quy định của pháp luật; bị đơn phải trả tiền lãi kể từ ngày đến hạn trả nợ trong văn bản hợp đồng với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 là 10%/năm và tiền lãi được tính như sau: Theo tờ thế chấp nhà và đất ở ngày 24/6(Âl)/2018 (nhằm ngày 05/8/2018), hạn trả 8 tháng nên được tính lãi từ ngày 05/4/2019; Từ ngày 05/4/2019 đến ngày 26/01/2021 là 662 ngày, tiền lãi được tính là: 50.000.000đồng x (10%/năm) (10/100/365) x 662 ngày = 9.068.000đồng. Số tiền lãi nguyên đơn đã nhận 2.500.000đồng được khấu trừ lại cho nên số tiền lãi bị đơn còn phải trả là 6.568.000đồng

[5] Đối với việc ông V, bà T có thế chấp cho bà B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01617 do Ủy ban nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 17/10/2011. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được giao kết giữa các đương sự không tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai và khoản 4 Điều 323 Bộ luật Dân sự nên Tòa án cần tuyên giao dịch vô hiệu và các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với số tiền hụi 1.000.000đồng theo giấy hụi ngày 07 tháng 7 Âl năm 2018 và đối với số tiền hụi 2.000.000đồng theo giấy hụi ngày 16 tháng giêng năm 2017. Bà B có tờ tự khai xác định: cả hai dây hụi, đến nay hụi đã mãn, bà B đã chầu thay cho các hụi viên khác nên phần hụi 2.000.000đồng còn hụi chết là 20.000.000đồng, phần hụi 1.000.000đồng còn hụi chết là 8.000.000đồng. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ là giấy hụi và chứng cứ là lời trình bày của những người làm chứng và những chứng cứ có trong hồ sơ được Tòa án công bố nên có cơ sở xác định số tiền nợ của các bên tranh chấp và do ông V, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B là có căn cứ và được chấp nhận.

[8] Đối với lãi tiền hụi nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[9] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 298, 463, 466, 468 và 471 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B và xử như sau:

1) Buộc ông Nguyễn Thanh V và bà Liêu Thị Mỹ T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị B số tiền hụi là 28.000.000đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám triệu đồng).

2) Buộc ông Nguyễn Thanh V và bà Liêu Thị Mỹ T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị B số tiền vay là 50.000.000đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi 6.568.000đồng (Bằng chữ: Sáu triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

3) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4) Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thanh V, bà Liêu Thị Mỹ T với bà Trần Thị B là vô hiệu. Buộc Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh V, bà Liêu Thị Mỹ T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01617 do Ủy ban nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà Liêu Thị Mỹ T, ông Nguyễn Thanh V ngày 17/10/2011.

5) Về án phí: ông Nguyễn Thanh V và bà Liêu Thị Mỹ T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự là 4.228.000đồng (Bằng chữ: Bốn triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng); Bà Trần Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.950.000đồng (Bằng chữ: Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0008955 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng